

# Một số khái niệm liên quan đến bộ thủ chữ Hán

Nguyễn Thị Thanh Lan\*

\*TS, Khoa Ngoại ngữ, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội

Received: 2/11/2023; Accepted: 22/11/2023; Published: 20/12/2023

**Abstract:** Approaching Chinese characters in relation to the Chinese characters - the perspective of the joints that make up Chinese characters, is not a new approach but is a direct and feasible approach in solving difficulties for people. learn when trying to master Chinese characters. The name Chinese characters is very familiar to Chinese learners. Using Chinese characters to memorize Chinese characters is a unique and effective method, but in order for this method to achieve the most effective application, the person must Students need to have an overview of the concepts surrounding Chinese character symbols from an academic perspective, which are the source concepts for learners to understand and use Chinese character symbols in memorizing Chinese characters effectively. results and science. This article would like to discuss a few concepts related to the Chinese characters such as the concept of diaphragm, the concept of eagle, bar, eagle and the concept of eagle.

**Keywords:** Chinese characters, Chinese language, handwriting, method, ideographs, hieroglyphs, eagle, eagle, eagle.

## 1. Đặt vấn đề

Xưa nay, dù là người biết tiếng Hán hay người không biết tiếng Hán cũng thường truyền tai nhau rằng là tiếng Hán có chữ Hán là chữ tượng hình, rằng là trong chữ Hán có hình ảnh tượng trưng cho sự vật. Nôm na nhận thức như vậy là chưa đầy đủ về chữ Hán, vì chữ tượng hình trong chữ Hán là nguồn gốc của chữ Hán nhưng theo sự phát triển của ngôn ngữ và nhu cầu biểu đạt thì chữ tượng hình chỉ là một bộ phận nhỏ, chỉ là một trong những cách thức tạo nên chữ Hán.

Cách tạo chữ Hán là chỉ cách thức người xưa quy nạp, tổng kết căn cứ theo cấu trúc và quy luật tạo chữ Hán. Trên thực tế, có 6 cách thức hình thành nên chữ Hán, còn gọi là “Lục thư”, gồm tượng hình, chỉ sự, hình thanh, hội ý, giả tá và chuyển chú. Tên gọi “Lục thư” ra đời từ “Châu Lễ”, nhưng trong đó chưa nói rõ nội dung cụ thể. Về sau, trong cuốn “Thuyết văn giải tự”, Hứa Thận nhà Đông Hán mới chỉnh lý, hoàn thiện “Lục Thư” đưa ra những tường giải chặt chẽ hơn về vấn đề này, rất nhiều học giả thời cận hiện đại cũng đã đưa ra nhiều cải tiến trên cơ sở cuốn “Thuyết văn giải tự”, từ đó hình thành nên thuyết tam thư, tứ thư ... nhưng “Lục thư” vẫn luôn là cách thức hình thành chữ Hán được xã hội ghi nhận rộng rãi nhất. Trong đó, chữ Hán hình thanh được sử dụng ngày nay chiếm đến trên 85%.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Khái niệm chữ hình thanh

Chữ hình thanh là khái niệm chỉ một phương

thức tạo chữ Hán, là loại chữ hợp thể hình thành bởi hai bộ phận hoặc hai chữ trên cơ sở chữ tượng hình, chữ chỉ sự, chữ hội ý, được tạo nên bởi bộ phận biểu nghĩa (còn gọi là ý phù, hình bàng) và bộ phận biểu âm (còn gọi là thanh phù, thanh bàng). Bộ phận biểu nghĩa thường là chữ tượng hình hoặc chữ chỉ sự, bộ phận biểu âm có thể là chữ tượng hình, chữ chỉ sự, chữ hội ý. Sở dĩ gọi tên là “hình thanh” là ở cấu tạo nửa chữ biểu âm, nửa chữ biểu nghĩa, phù hợp với nhu cầu ghi chép chữ Hán, là hình thức tạo chữ “năng suất” nhất, là phương thức chủ yếu tạo nên chữ Hán, trong chữ Khải hiện đại có đến hơn 85% là chữ hình thanh, hơn thế chữ hình thanh vẫn còn có thể sáng tạo nên nhiều chữ mới (như một số chữ giản thể mới, chữ dùng trong khoa học kỹ thuật). Từ góc độ phát triển chữ Hán, phương thức tạo chữ hình thanh không chỉ phá vỡ giới hạn của chữ tượng hình, chữ chỉ sự, chữ hội ý, tìm ra được cách thức đơn giản, thuận tiện để tạo chữ cho các sự vật, khái niệm trừu tượng, khó biểu đạt, điều quan trọng hơn là nó còn có thể bổ khuyết những hạn chế không thể biểu thị âm đọc ở chữ tượng hình, chỉ sự và hội ý. Với tư cách là kí hiệu ghi chép ngôn ngữ, nếu như chữ viết không thể biểu đạt âm đọc thì đó là điều rất bất cập trong sử dụng ngôn ngữ, rất khó có thể duy trì và phát sinh, vì vậy hướng ra phạm vi toàn thế giới, sự quá độ chuyển tiếp từ biểu thị nghĩa tới biểu thị âm vẫn luôn là quy luật chung trong sự phát triển của mọi loại hình chữ viết.

### 2.2. Khái niệm Thiên Bàng

Hình thanh là “cách tạo chữ hợp thể”. Thiên bàng là bộ phận cấu tạo của chữ hợp thể. Người cổ đại gọi phần bên trái chữ hợp thể có cấu trúc trái phải là “thiên”, phần bên phải là “bàng”, ngày nay các bộ phận tạo nên chữ hợp thể đều được gọi chung tên là thiên bàng. Ví dụ chữ “语” tạo bởi hai thiên bàng “言” và “吾”; chữ “盆” tạo bởi hai thiên bàng “分” và “皿”; chữ “问” tạo bởi hai thiên bàng “门” và “口”. Đại bộ phận chữ Hán đều là chữ hình thanh, cấu tạo bởi hình bàng và thanh bàng, do đó tên gọi thiên bàng chủ yếu bao hàm hai loại là hình bàng và thiên bàng.

Hình bàng biểu thị nghĩa hoặc phân loại của chữ, thanh bàng biểu thị âm đọc tương đồng hoặc tương cận của chữ. Ví dụ:

Chữ “叶” có hình bàng là “艸”, biểu thị nghĩa thực vật, thanh bàng là “葉”, biểu thị âm đọc gần giống với âm đọc của “葉”.

Chữ “籃” có hình bàng là “竹”, biểu thị vật được làm từ tre trúc, thanh bàng là “監”, biểu thị âm đọc gần giống với “監”.

Chữ “齿” bên dưới là hình bàng, vẽ ra hình dạng hai hàng răng, bên trên “止” là thanh bàng, biểu thị âm đọc gần giống với chữ.

Chữ “鸡” thì bên phải là hình bàng “隹”, chim, lông vũ, bên trái là thanh bàng “奚” biểu thị âm đọc gần giống với “奚”.

Bộ thủ chữ Hán

Kinh nghiệm truyền lại cho những người bắt đầu học tiếng Hán đó là “Nên học chữ Hán theo bộ thủ thì mới ghi nhớ được chữ Hán hiệu quả”. Nhắc đến những thuật ngữ Hình thanh, Thiên bàng, Hình bàng, Thanh bàng ở trên thì người học có phần lả lẫm, nhưng nhắc đến bộ và bộ thủ trong chữ Hán thì ai cũng thấy thân thuộc, nhưng nếu không hiểu mối liên hệ giữa bộ thủ với các khái niệm kể trên thì người học vẫn chưa tiếp cận được vấn đề để tháo gỡ khó khăn trong việc học chữ Hán. Bởi một lẽ, các thao tác phân tích cấu tạo chữ Hán, chỉ ra các bộ cấu thành nên chữ Hán có giúp chúng ta ghi nhớ chữ Hán nhưng chưa hiểu sâu về chữ Hán nên hiệu quả ghi nhớ chưa phải là cao nhất. Việc quan trọng hơn là người học cần hiểu được vai trò của bộ thủ trong chữ Hán là gì.

Bộ thủ ra đời bởi nhà kinh tế học, nhà văn tự học Hứa Thận nổi danh thời Đông Hán. Bộ thủ xuất hiện sớm nhất trong tác phẩm “Thuyết văn giải tự” của Hứa Thận, dựa theo cơ sở cách thức cấu tạo chữ trong Lục thư Hán tự để sắp xếp chữ Hán, chỉ có những chữ có chung một nét viết đầu hoặc hình bàng

thì mới được xếp vào cùng 1 bộ thủ. Những tác phẩm sau “Thuyết văn giải tự” như “Tự Lâm”, “Ngọc Thiên”, “Loại Thiên”... đều sắp xếp theo thứ tự này.

Thiên bàng và bộ thủ mặc dù có mối liên hệ nhất định nhưng lại là hai khái niệm khác nhau. Bộ thủ cũng là thiên bàng, nhưng thiên bàng không hoàn toàn là bộ thủ.

Khi phân tích tự hình, người ta thường nhắc đến thuật ngữ “bộ thủ”, trong Phụ lục bảng cuốn “Sách hướng dẫn dạy học dành cho giáo viên” Ngữ văn tiểu học tập 1 của NXB giáo dục nhân dân, Trung Quốc có “Bảng tên gọi bộ thủ”. Như vậy, “Bộ thủ” là gì? Thông thường, bộ thủ là thiên bàng biểu thị nghĩa. Bộ thủ cũng là thiên bàng, nhưng thiên bàng chưa hẳn là bộ thủ, thiên bàng và bộ thủ là mối quan hệ tổng thể và bộ phận. Trong thiên bàng, số lượng của bộ thủ rất ít, số thường dùng chỉ là hơn 100 bộ, còn số bộ thủ được đưa vào “Bảng tên gọi bộ thủ” trong cuốn sách nói ở trên là 99 bộ. Đại đa số thiên bàng đều là thành phần biểu thị âm đọc, chủ yếu là thanh bàng, số thường dùng phải tính đến hơn 1000. Trong số thanh bàng thì gần 90% là chữ đơn thể, như “扁”、“加”、“古” của chữ “偏”、“驾”、“固”, những thanh bàng loại này gọi là “thanh bàng biến thành chữ”. Trong giảng dạy ngữ văn tiểu học ở Trung Quốc, những thanh bàng thành chữ có khả năng tạo chữ cao này được gọi là “chữ cơ bản”.

Những thiên bàng biểu thị nghĩa được gọi là “bộ thủ”, bắt nguồn từ các cuốn tự điển cổ đại trong đó tiêu biểu là “Thuyết văn giải tự”. Bộ thủ là nét viết đầu tiên hoặc hình bàng của chữ Hán, cũng là mục lục kí hiệu tra chữ mà các từ điển tự điển đưa ra phân loại đối với cấu trúc và ý nghĩa của chữ Hán để thuận tiện cho việc tra cứu từ<sup>1</sup>. Đối với chữ đơn thể, bộ thủ là nét viết đầu tiên, ví dụ bộ thủ của “永禾天日” lần lượt là “、 丿 一 | ”; đối với chữ hợp thể, bộ thủ là bộ phận biểu thị nghĩa dùng để phân loại, cũng chính là “hình bàng”, ví dụ như bộ thủ của “名明描蒋形” lần lượt là “夕 日 扌 艹 彡”.

Nhìn chung, mặc dù đều được gọi là “bộ thủ”, đại bộ phận bộ thủ tra chữ và bộ thủ học chữ đều trùng hợp, ví dụ trong chữ “提”, bộ thủ học chữ là “扌” (tay ở bên), bộ thủ tra chữ cũng là “扌” (gọi

1. Trong dạy học Ngữ văn tiểu học ở Trung Quốc, thuật ngữ “bộ thủ” mang 2 hàm nghĩa căn cứ theo hoàn cảnh sử dụng khác nhau. “Bộ thủ” được nhắc đến trong dạy chữ thường chỉ thiên bàng biểu thị nghĩa trong chữ hợp thể. “Tân hoa tự điển” và “Tự điển Hán ngữ hiện đại” đều có “Bảng tra chữ theo bộ thủ”. Khi dạy học sinh cách dùng bộ thủ để tra chữ trong từ điển, cũng có dùng đến từ “bộ thủ” này, bộ thủ được nói đến ở đây được gọi là “Bộ thủ tra chữ”. Bài viết này không phân tích sâu về loại bộ thủ này.

là bộ thủ “扌”), nhưng không phải là cùng một khái niệm, có thể phân biệt ở những điểm dưới đây:

Đầu tiên là nội hàm khác nhau. Bộ thủ học chữ là thiên bàng biểu thị nghĩa, bộ thủ tra chữ là dấu hiệu chung ở tự hình của một nhóm chữ. Bộ thủ học chữ có 5 loại là “ở bên (cạnh)” “ở trên đầu” “ở dưới đáy” “đóng khung” “tâm”, mỗi loại đều có tên gọi cụ thể, như “chữ ngôn ở bên” (讠), “chữ vũ ở trên đầu” (雨), “chữ mã ở dưới đáy” (马), “chữ đồng đóng khung” (冂), trong khi đó bộ thủ tra chữ thì gọi chung là “bộ X”, như “bộ 丶”, “bộ 一” ...

Thứ hai là vai trò khác nhau. Bộ thủ học chữ thuận lợi cho việc nhận biết, ghi nhớ ý nghĩa của chữ, còn bộ thủ tra chữ thì thuận lợi cho việc tìm kiếm, tra cứu chữ. Ví dụ “雉” là một loài chim, ở góc độ nhận biết chữ thì chỉ có thể đưa vào nhóm “chữ 隹 ở bên” nhưng trong mục lục tra chữ của tự điển thì có thể đưa vào “bộ 矢”; các chữ “席”、“堂”、“耀”、“功”、“恙”, nếu ở góc độ nhận biết mặt chữ chỉ có thể đưa vào nhóm “chữ 巾 ở đáy”, “chữ 土 ở đáy”, “chữ 光 ở bên”, “chữ 力 ở bên”, “chữ 心 ở đáy”, nhưng trong mục lục tra chữ của tự điển thì có thể đưa vào “bộ 广”, “bộ 艹”, “bộ 羽”, “bộ 工”, “bộ 羊”.

Thứ ba là mức độ cố định khác nhau. Bộ thủ học chữ là cố định, ví dụ chữ “语” bất kể trong hoàn cảnh nào đều gọi là “chữ 言 ở bên” (讠); bộ thủ tra chữ mang tính tạm thời, ví dụ chữ “臻” và chữ “恭” trong mục lục tra chữ của Tự điển thì đều thuộc “bộ ngang 一”, nếu không có mục lục tra chữ này thì không ai sẽ nói là bộ thủ ở đây là “bộ ngang 一”.

Thứ tư là hai loại bộ thủ này có phạm vi khác nhau. Phạm vi của bộ thủ học chữ nhỏ, chỉ những chữ hợp thể mới có bộ thủ học chữ; bộ thủ tra chữ thì phạm vi rộng, bộ phận của chữ hợp thể, các nét của chữ đơn thể, các nét của chữ hợp thể đều có thể trở thành bộ thủ tra chữ. Ví dụ chữ “和”, nghĩa gốc là “hòa thanh”, “口” là hình bàng, “禾” là thanh bàng, bộ thủ tra chữ vừa xếp vào “bộ 口”, vừa xếp vào “bộ 禾”; chữ đơn thể “果” và “中”, bộ thủ tra chữ đều là “bộ 丨”, chữ hợp thể “疑” bộ thủ tra chữ là “bộ 丨”.

Bộ thủ học chữ là bộ phận tạo chữ rất đặc sắc trong chữ Hán: khả năng tạo chữ mạnh, hiệu suất cao, một bộ “ba chấm thủy” (彳) kết hợp với các bộ phận khác có thể tạo nên hơn 500 chữ. Bộ thủ học chữ thông thường đều có tên gọi để tiện cho việc giảng dạy; thông thường đều có ý nghĩa rõ ràng, có thể giúp học sinh hiểu về nghĩa của chữ, ghi nhớ hình dạng của chữ. Sử dụng bộ thủ học chữ cũng mang lại

hiệu quả rất tốt để chỉnh sửa nhóm chữ dễ bị nhầm lẫn, ví dụ, học sinh thường viết phần bên trái của chữ “爬” thành “瓜”, phần bên dưới của chữ “恭” viết thành, nếu học sinh hiểu để “爬” (trèo, bò) thì phải dùng đến “爪” (tay), hiểu được “恭” là tình cảm nội tâm, thì sẽ không viết “爪” thành “瓜”, viết “丩” thành “冰” nữa.

214 bộ thủ hiện hành bắt nguồn từ cuốn “Tự Hội” của Mai Ưng Tộ năm 1615, năm 43 dưới thời nhà Minh. Bộ thủ trong “Thuyết văn giải tự” là dựa theo nguyên tắc cách thức tạo thành chữ (Văn tự học), còn bộ thủ trong “Tự hội” là theo nguyên tắc cách thức tra cứu từ. Bộ thủ học chữ nhằm chỉ ra cấu tạo của chữ Hán, bộ thủ tra chữ thì chú trọng cách tra chữ nhanh, hai cách phân loại bộ thủ này đều có ưu nhược điểm, không bàn đến cách nào tốt cách nào không tốt. “Khang Hi tự điển” sau đó đã tiếp nối 214 bộ thủ của “Tự hội”, “Khang Hi tự điển” cũng trở thành tiêu chuẩn của Tự điển cận đại. Đến nay bộ thủ mà đại bộ phận tự điển sử dụng đều phù hợp với 214 bộ thủ của “Khang Hi tự điển”.

### 3. Kết luận

Một cách tương đối, chúng ta hiểu rằng chữ Hán được cấu thành bởi những nét chữ, đa phần nhiều nét chữ lại hợp lại thành bộ, mỗi chữ Hán có thể chứa hơn 1 bộ, trong số đó có bộ biểu thị âm đọc (thanh bàng), có bộ biểu thị nghĩa (hình bàng) và bộ biểu thị nghĩa (hình bàng) chính là bộ thủ. Vì lẽ đó chúng ta có thể tối giản hóa bộ nhớ dành cho từng chữ Hán thành 1 vài đơn vị (1 vài bộ có tỉ lệ sử dụng nhất định) thay vì bộ nhớ phải ghi nhớ những đơn vị đơn lẻ từng nét từng nét trong chữ Hán. Ngoài ra các đơn vị bộ này là chìa khóa đưa ra gợi ý về âm đọc và ý nghĩa của chữ Hán giúp chúng ta nhớ nhanh và nhớ lâu, gia tăng hiệu quả học và vận dụng chữ Hán trong học tiếng Hán./.

### Tài liệu tham khảo

1. ĐạT Thế Bình ĐạT Văn Trung, “Giáo trình bộ thủ chữ Hán”. Nxb Đại học ngôn ngữ Bắc kinh, 2008.

2. Thẩm Hòa Linh Vương Bình Thái Trần Huệ, “Giáo trình bộ thủ chữ Hán”, Nhà xuất bản Đại học Bắc kinh, 2009.

3. Nguyễn Thị Thanh Lan, “Từ vựng và Ngữ pháp tiếng Hán hiện đại (trình độ HSK3). Học viện An ninh nhân dân, 2019.

4. Nguyễn Thị Thanh Lan, “Phương pháp nâng cao tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong dạy – học chữ Hán ở các trường đại học Trung Quốc” (Ki yếu hội thảo kinh nghiệm đào tạo đại học của các nước tiên tiến trên thế giới). Học viện An ninh Nhân dân, 2016.